

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư XDCB năm 2019 và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2020

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2019

I. Công tác chỉ đạo điều hành:

Năm 2019 là năm có ý nghĩa quan trọng nhằm tăng tốc thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020. Trong đó, việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, nhất là các công trình trọng điểm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội được tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo thực hiện từ quy hoạch, kế hoạch, phân bổ vốn đến quản lý đầu tư. Nguồn lực dành cho đầu tư phát triển của tỉnh đạt khá, nhiều công trình, dự án hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Năng lực sản xuất của một số ngành, lĩnh vực tăng thêm đáng kể, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành công tác quản lý đầu tư; chú trọng xử lý nợ đọng XDCB; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong huy động nguồn lực, quản lý đầu tư, quản trị dự án sau đầu tư; hạn chế phát sinh nhu cầu vốn gây áp lực cho ngân sách. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các dự án; khắc phục kịp thời những hạn chế, yếu kém, tiêu cực trong quản lý đầu tư. Đẩy mạnh phân cấp các nguồn vốn đầu tư XDCB gắn với việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành đã tạo sự chủ động, linh hoạt trong bố trí vốn cho các công trình, dự án, đáp ứng kịp thời nhu cầu và định hướng phát triển của tỉnh. Đã từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư và hiệu lực quản lý nhà nước; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình phân bổ vốn, quản lý và triển khai thực hiện các dự án đầu tư.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng liên quan nghiêm túc thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; thẩm tra thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công - dự toán; đấu thầu; giải phóng mặt bằng; thực hiện đúng thẩm quyền và xác định rõ trách nhiệm cá nhân trong thực hiện các dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật. Công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công đi vào nề nếp, chặt chẽ hơn, hạn chế tình trạng thất thoát, lãng phí. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản được kiểm soát chặt chẽ hơn và có lộ trình xử lý dứt điểm.

Nhằm phấn đấu giải ngân 100% dự toán chi đầu tư phát triển được giao trong năm, sớm đưa công trình vào sử dụng, UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 1178/UBND-CN ngày 25/3/2019 và Văn bản số 4105/UBND-CN ngày 09/9/2019 về việc đẩy nhanh thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019. UBND tỉnh đã yêu cầu các Sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương trên địa bàn và UBND các huyện, thành phố, thị xã tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh; tăng cường chỉ đạo các đơn vị, tư vấn, nhà thầu triển khai thực hiện dự án, chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ thi công công trình; chủ động cập nhật, báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân theo định kỳ cũng như các thông tin, dữ liệu của dự án được bố trí vốn đầu tư công trên Hệ thống thông tin trực tuyến. Nghiêm cấm việc phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

Trong điều kiện ngân sách Trung ương ngày càng siết chặt, ngân sách địa phương hạn hẹp, Lãnh đạo tỉnh đã tích cực làm việc, đề xuất và đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý hỗ trợ kinh phí từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương để thực hiện các nhiệm vụ cấp bách.

Thực hiện quy định tại Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ, UBND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện số vốn còn lại của các năm trước sang thực hiện và giải ngân trong năm 2019 với số vốn 969,141 tỷ đồng, trong đó: (1) trình Trung ương và HĐND tỉnh cho phép 13 dự án¹ được kéo dài với tổng số vốn 820,15 tỷ đồng; (2) cho phép các đơn vị, chủ đầu tư kéo dài 24 dự án² với tổng số vốn 148,734 tỷ đồng; (3) cắt giảm kế hoạch vốn còn lại nhưng không có nhu cầu sử dụng của 11 dự án để bổ sung cho 02 dự án hoàn thành với số vốn 0,258 tỷ đồng.

II. Công tác phân bổ vốn đầu tư:

Quá trình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản được tỉnh thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt; phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế. Chỉ bố trí vốn cho các chương trình, dự án có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương và dự án đầu tư.

Nguồn vốn đầu tư công được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên. Ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ chương trình, dự án trọng điểm; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản; hoàn trả các khoản ứng trước ngân sách. Bố trí vốn theo hướng tập trung để hoàn thành dứt điểm các hạng mục chính; không bố trí vốn dàn trải, kéo dài làm chậm tiến độ hoàn thành các dự án. Đối với các công trình,

¹ Cụ thể: 02 dự án thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, 05 dự án thuộc nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, 01 dự án thuộc nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ và 05 dự án thuộc nguồn vốn nước ngoài.

² Cụ thể: 16 dự án thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, 06 dự án thuộc nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, 01 dự án thuộc nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ và 01 dự án thuộc nguồn NSNN khác.

dự án khởi công mới đều được lãnh đạo tỉnh đồng ý bằng văn bản; sau khi hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư, phê duyệt dự án phải căn cứ vào khả năng nguồn vốn cân đối mới được triển khai đấu thầu, tổ chức thi công.

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản do tỉnh quản lý năm 2019 được giao đầu năm là **1.971,93 tỷ đồng**, bằng 83% so với kế hoạch 2018, cụ thể như sau:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 phân bổ và giao kế hoạch với số vốn **1.086,01 tỷ đồng**, cụ thể: Đầu tư cân đối theo tiêu chí 396,11 tỷ đồng, chiếm 36,5% tổng vốn; Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 638 tỷ đồng, chiếm 58,7% tổng vốn; Xổ số kiến thiết 45 tỷ đồng, chiếm 4,1% tổng vốn; Bội chi ngân sách địa phương 6,9 tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng vốn.

- Nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 31/12/2018 phân bổ **885,92 tỷ đồng**, trong đó: vốn nước ngoài 467,64 tỷ đồng và vốn trong nước 418,28 tỷ đồng³.

Ngoài các nguồn vốn được giao trong kế hoạch đầu năm, UBND tỉnh đã linh hoạt, chủ động trong việc huy động các nguồn vốn ngân sách nhà nước khác để tập trung đầu tư các công trình trọng điểm, cũng như giải quyết các nhu cầu cấp bách về an sinh xã hội. Tính đến nay, tổng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản do tỉnh quản lý năm 2019 là **2.548,313 tỷ đồng** tăng 29% (576,883 tỷ đồng) so với kế hoạch vốn được giao đầu năm⁴.

Nhìn chung, việc cân đối và phân bổ vốn đầu tư XDCCB năm 2019 được bố trí tập trung, hiệu quả hơn trước, góp phần khẳng định vai trò chủ đạo của nguồn vốn ngân sách nhà nước. Việc phân bổ vốn đầu tư đã bám sát kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, góp phần đảm bảo an toàn tài chính và nợ công. Tuy nhiên, do nhu cầu đầu tư lớn trong khi nguồn lực ngân sách của tỉnh còn hạn chế nên việc cân đối vốn đầu tư khó có thể đáp ứng đầy đủ được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, nhất là vốn cho các công trình trọng điểm, các công trình tạo đột phá phát triển cho địa phương. Quá trình phân bổ nguồn lực đầu tư công vẫn còn tình trạng hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho các dự án thuộc cấp huyện quản lý, dẫn đến một số địa phương có tâm lý trông chờ nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư mà chưa chủ động bố trí vốn ngân sách cấp mình theo phân cấp để đầu tư thực hiện các công trình.

III. Công tác giải ngân vốn đầu tư:

Công tác thanh toán, giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản được UBND tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo, các cơ quan chức năng thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, cụ thể: (1) kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc để các dự án được triển khai thực hiện theo đúng tiến độ; (2) tạo mọi điều kiện thuận lợi cho

³ Phân bổ thực hiện 9 chương trình trung ương hỗ trợ có mục tiêu đã được cân đối trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

⁴ Kế hoạch vốn bổ sung chủ yếu từ: NSDP thực hiện Nghị quyết 02 về nông thôn mới 30 tỷ đồng; vốn Chương trình MTQG 295,701 tỷ đồng, vốn dự phòng NSTW năm 2018 cho các dự án cấp bách 107 tỷ đồng và các nguồn vốn NSNN khác (đấu giá trụ sở, hỗ trợ có địa chi,...).

các chủ đầu tư, rút ngắn thời gian kiểm soát hồ sơ, đẩy nhanh tiến độ giải ngân; (3) kiểm soát chặt chẽ mọi khoản chi theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của cấp có thẩm quyền về cấp phát vốn; (4) tích cực chỉ đạo các nhà thầu tập trung nhân lực, máy móc đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng; đẩy nhanh tiến độ thanh toán vốn đầu tư của công trình.

Trên cơ sở báo cáo của KBNN tỉnh, tổng giá trị giải ngân các nguồn vốn đầu tư phát triển do tỉnh quản lý 10 tháng đầu năm 2019 là 1.857,965 tỷ đồng, đạt 73% so với kế hoạch được giao, cao hơn so với cùng kỳ năm 2018⁵ trong đó cụ thể các nguồn vốn như sau:

Nguồn vốn cân đối NSDP:	867,499 tỷ đồng, đạt 78%KH;
Nguồn vốn TWHT có mục tiêu:	650,479 tỷ đồng, đạt 68%KH;
Nguồn vốn Chương trình MTQG:	268,636 tỷ đồng, đạt 78%KH;
Nguồn NSNN khác:	71,351 tỷ đồng, đạt 53%KH.

Tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2019 có nhiều chuyển biến tích cực, đạt tỷ lệ khá so với cùng kỳ các năm trước nhưng vẫn còn thấp so với yêu cầu đề ra để đóng góp vào tăng trưởng và thu ngân sách nhà nước trên địa bàn. Nguyên nhân của tình trạng này chủ yếu là do: vướng mắc khâu giải phóng mặt bằng, tái định cư; một số dự án chuyển tiếp đang triển khai thi công chưa được nghiệm thu khối lượng hoàn thành để giải ngân thanh toán vốn; công tác chuẩn bị đầu tư đối với một số dự án khởi công mới còn chậm; công tác chỉ đạo của một số đơn vị chủ đầu tư đối với các đơn vị nhà thầu thi công xây lắp chưa thật sự quyết liệt; một số công trình đã hoàn thành trong năm nhưng do dự án chưa được quyết toán nên không có cơ sở để thanh toán, giải ngân các chi phí như chi phí kiểm toán, thẩm tra quyết toán. Mặt khác, do tính chất của các nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất, xổ số kiến thiết cũng ảnh hưởng khá lớn đến tỷ lệ giải ngân chung của toàn tỉnh.

Mặt khác, Luật Đầu tư công chỉ quy định việc kéo dài thời gian giải ngân vốn trong nước đến hết ngày 31/12 năm sau năm kế hoạch nhưng không quy định việc kéo dài thời gian giải ngân vốn nước ngoài đã gây rất nhiều khó khăn cho các Chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án ODA trong việc triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn nước ngoài. Việc triển khai thực hiện các dự án ODA phải tuân thủ các quy định của Chính phủ Việt Nam⁶ và quy định của nhà tài trợ nên khi có sự thay đổi về cơ chế tài chính trong nước, một số dự án ODA đã ký kết Hiệp định và đang triển khai gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện⁷ cũng ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ giải ngân vốn nước ngoài của các dự án ODA

IV. Công tác điều chuyển vốn:

⁵ Tỷ lệ giải ngân năm 2018 đến 31/10/2019 đạt 69% kế hoạch.

⁶ Luật Ngân sách, Luật Đầu tư Công, Luật Xây dựng...

⁷ Cụ thể: GPMB, chi phí quản lý, đào tạo...

Thực hiện Nghị quyết của Chính phủ và của HĐND tỉnh; để phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương cũng như tình hình thực hiện của các ngành, lĩnh vực; nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn; UBND tỉnh đã chủ động rà soát và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh thống nhất thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn của các công trình, dự án trong nội bộ từng nguồn vốn; Cụ thể:

Đối với quy định ” *Thực hiện điều chuyển vốn kế hoạch thuộc thẩm quyền của tỉnh đối với các dự án đến thời điểm 30/6/2019 các chủ đầu tư chưa lập thủ tục tại KBNN thì cắt chuyển vốn cho các công trình khác*” UBND tỉnh đã trình Thường trực HĐND tỉnh phương án điều chuyển vốn đầu tư phát triển (đợt 30/6) với tổng số vốn 02 tỷ đồng⁸. Căn cứ ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 265/HĐND-KTNS ngày 04/9/2019 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách (đợt 30/6) do tình quản lý năm 2019; ngày 25/9/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2567/QĐ-UBND điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách do tình quản lý năm 2019.

Đối với quy định ”*Thực hiện điều chuyển vốn đối với các dự án đến hết ngày 30/9/2019 giải ngân dưới 60% vốn kế hoạch*” UBND tỉnh đã trình Thường trực HĐND tỉnh phương án điều chuyển vốn đầu tư phát triển (đợt 30/9) với tổng số vốn 4.439,521 triệu đồng⁹. Căn cứ ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 318/HĐND-KTNS ngày 25/10/2019 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển (đợt 30/9) nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương; ngày 31/10/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2993/QĐ-UBND về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách do tình quản lý năm 2019 (đợt 30/9).

V. Công tác xử lý nợ đọng XDCB:

Tổng số nợ đọng XDCB do tình quản lý đến ngày 31/12/2014 phải xử lý trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 là 206.670 triệu đồng, trong đó: NSTW 26.810 triệu đồng, NSĐP là 160.448 triệu đồng, TPCP là 19.441 triệu đồng¹⁰. Với quyết tâm xử lý dứt điểm và không để phát sinh nợ đọng XDCB, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản và tăng cường chỉ đạo các ban, ngành, địa phương tập trung quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng các công trình, đảm bảo nguyên tắc chỉ bố trí khởi công mới khi số nợ đọng XDCB đã giảm đáng kể và được kiểm soát; việc để phát sinh nợ đọng sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật hiện hành.

Trên cơ sở đó, các Sở, Ban ngành, địa phương đã đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư cho các dự án đã hoàn thành; thực hiện đúng theo mức vốn được

⁸ Văn bản số 3870/UBND-CN ngày 26/8/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách tình quản lý năm 2019.

⁹ Văn bản số 4706/UBND-CN ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách tình quản lý năm 2019 (đợt 30/9).

¹⁰ Các dự án ODA nhóm O theo quy định do NSĐP cân đối.

giao; không lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư đối với các dự án mới không đảm bảo khả năng cân đối vốn và không có ý kiến thẩm định của cơ quan kế hoạch tài chính; không cho phép doanh nghiệp tự bỏ vốn chuẩn bị đầu tư, thi công dự án khi chưa được bố trí vốn, làm phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản; chỉ tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu đã được bố trí vốn; thực hiện lập và điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo tiến độ chung của dự án và kế hoạch vốn được giao; ưu tiên bố trí vốn thanh toán khối lượng thực hiện cho các công trình đã quyết toán, công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn và các công trình chuyển tiếp.

Trong kế hoạch 2016 - 2019, tỉnh đã cân đối, xử lý 171.617 triệu đồng, trong đó: NSTW 26.810 triệu đồng, NSDP là 125.396 triệu đồng, TPCP là 19.441 triệu đồng. Như vậy, số nợ đọng xây dựng cơ bản còn lại của tỉnh là 35.053 triệu đồng sẽ được cân đối, xử lý dứt điểm trong kế hoạch 2020 từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương. Riêng đối với phần nợ đọng phát sinh sau ngày 31/12/2014, trái với quy định của Chính phủ (nếu có), các Sở, Ngành, địa phương chịu trách nhiệm xử lý.

VI. Công tác thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; quản lý đấu thầu và giám sát đánh giá đầu tư:

Thực hiện nghiêm túc quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn, tỉnh đã tổ chức thẩm định chủ trương đầu tư, thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án một cách chặt chẽ, đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định; bảo đảm phù hợp quy hoạch, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 và hiệu quả đầu tư của từng dự án. Các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước đều được thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư trước khi quyết định chủ trương đầu tư. Trong năm 2019, đã tổ chức rà soát, thẩm định, thẩm định điều chỉnh 36 hồ sơ chủ trương đầu tư dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020.

Công tác quản lý đấu thầu, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu các dự án được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định. Trên cơ sở nguồn vốn được bố trí và phương án huy động nguồn vốn cho dự án, các gói thầu được xác định với quy mô hợp lý và thời gian thực hiện phù hợp, tránh gây nợ đọng xây dựng cơ bản, đảm bảo hoàn thành kế hoạch giải ngân năm 2019. Trong năm, đã tổ chức thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với 189 dự án trong kế hoạch đầu tư năm 2019.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng các văn bản chỉ đạo tăng cường quản lý, chấn chỉnh công tác đấu thầu trên địa bàn tỉnh làm căn cứ để các đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc công tác đấu thầu trong năm 2019, khắc phục những tồn tại, bất cập, đẩy nhanh tiến độ thực hiện lựa chọn nhà thầu, hạn chế tối đa tiêu cực trong đấu thầu và có chế tài xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm; tăng cường hiệu quả của công tác đấu thầu, hiệu lực quản lý nhà nước về đấu thầu.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2952/QĐ-UBND quy định áp dụng đấu thầu qua mạng đối với gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2019 - 2020, theo đó, quy định cụ thể phạm vi các gói thầu bắt buộc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu qua mạng và khuyến khích áp dụng đấu thầu qua mạng đối với các gói thầu còn lại.

Công tác giám sát đánh giá đầu tư, đánh giá tổng thể đầu tư và giám sát đầu tư của cộng đồng đã được tổ chức quán triệt, hướng dẫn triển khai góp phần phát hiện và kịp thời đề xuất các biện pháp xử lý các tình huống phát sinh, sử dụng hợp lý nguồn lực đầu tư công và nâng cao hiệu quả dự án trong kế hoạch năm 2019 ngay từ đầu năm. UBND tỉnh ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 02/4/2019 chỉ đạo các đơn vị, địa phương tăng cường công tác giám sát, đánh giá đầu tư và giám sát đầu tư của cộng đồng. Đã chỉ đạo tổ chức thực hiện kế hoạch giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư; giám sát, đánh giá một số chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh năm 2019.

VII. Công tác thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia:

1. Chương trình MTQG giảm nghèo:

Thực hiện Quyết định số 2106/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán chi ngân sách Trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019; trên cơ sở đề xuất của các Sở ngành và địa phương, UBND tỉnh đã giao chi tiết dự toán chi NSTW kế hoạch năm 2019 là 148,901 tỷ đồng¹¹ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tại Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 21/01/2019.

Đối với vốn đầu tư phát triển 114.442 triệu đồng được triển khai thực hiện 02 dự án: (1) Dự án 1: Chương trình 30a được bố trí 80.306 triệu đồng để thực hiện 73 công trình (gồm: 10 CT hoàn thành; 21 CT chuyển tiếp và 42 CT khởi công mới); (2) Dự án 2: Chương trình 135 được bố trí 34.136 triệu đồng để thực hiện 87 công trình (gồm: 33 CT hoàn thành; 10 CT chuyển tiếp và 44 CT khởi công mới).

Các Dự án thuộc Chương trình được phân bổ đảm bảo theo đúng Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và đảm bảo theo đúng mục tiêu đề ra tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG xây nông thôn mới năm 2019 là 196.200 triệu đồng, đã được UBND tỉnh phân bổ tại các Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 và số 632/QĐ-UBND ngày 26/3/2019.

¹¹ Bao gồm: vốn ĐTPT là 114.442 triệu đồng; vốn Sự nghiệp 34.459 triệu đồng.

Do đặc thù của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục các công trình khởi công mới sau khi được bố trí vốn¹² nên những tháng đầu năm chủ yếu làm các thủ tục như phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự toán/ báo cáo kinh tế kỹ thuật, lựa chọn nhà thầu nên tỷ lệ giải ngân vốn những tháng đầu năm còn thấp.

Bên cạnh đó, việc thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã, nhưng do năng lực của UBND cấp xã còn hạn chế nên đa số các xã trình UBND cấp huyện (qua phòng Kinh tế hạ tầng cấp huyện) thẩm định gây chậm trễ trong quá trình thực hiện.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020

I. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2020

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công năm 2020:

Kế hoạch đầu tư công năm 2020 phải nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; phù hợp với Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020. Gắn việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2020 với việc thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 và xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ.

Tổng vốn kế hoạch đầu tư công năm 2020 dự kiến bố trí cho từng ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án không vượt quá số vốn còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch trừ đi lũy kế số vốn đã được bố trí trong kế hoạch 2016 - 2019.

Phù hợp với khả năng thực hiện và tiến độ giải ngân của từng dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2020. Đồng thời, xác định rõ mục tiêu và đảm bảo theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Bố trí đủ kế hoạch đầu tư công năm 2020 để thanh toán nợ đọng XDCCB còn lại chưa thanh toán, thu hồi các khoản ứng trước còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020;

+ Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn, vốn chuẩn bị đầu tư cho các dự án dự kiến triển khai trong giai đoạn 2021 - 2025, vốn cho các nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các Nghị định hướng dẫn, vốn đối ứng cho các dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

¹² UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới giai đoạn 2019 - 2020 thuộc chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 23/4/2019

+ Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

+ Đối với các dự án khởi công mới, chỉ bố trí vốn kế hoạch năm 2020 cho các dự án đáp ứng đủ các điều kiện: (i) Đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; (ii) Đến ngày 31/10/2019 có quyết định đầu tư dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công; (iii) Không bố trí vốn kế hoạch đầu tư công cho các dự án không thực hiện trình tự lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành; Đối với dự án chuẩn bị đầu tư phải có quyết định phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư đến ngày 31/10/2019

Không bố trí kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước kế hoạch 2020 cho các dự án không thuộc nhiệm vụ chi đầu tư từ nguồn NSNN hoặc không được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

2. Dự kiến phân bổ các nguồn vốn đầu tư kế hoạch 2020:

2.1. Đối với các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ mục tiêu, Chương trình MTQG, trái phiếu Chính phủ:

Trên cơ sở các văn bản thống nhất của HĐND tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020; Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2016 - 2020, ngày 29/9/2017, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2651/QĐ-UBND về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2016 - 2020.

Theo Văn bản số 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019 của Bộ Kế hoạch về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020 của tỉnh là 3.223,953 tỷ đồng; trong đó, nguồn vốn NSTW là 2.084,853 tỷ đồng, cụ thể:

- Vốn trong nước là 795,953 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia là 564,622 tỷ đồng;

+ Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình mục tiêu và các khoản chi cụ thể là 411,331 tỷ đồng, trong đó: (1) Hỗ trợ đồng bào dân tộc miền núi theo Quyết định 2085/QĐ-TTg là 5,931 tỷ đồng; (2) Thu hồi các khoản vốn ứng trước là 31,757 tỷ đồng;

+ Vốn dự kiến bố trí cho các dự án thuộc danh mục dự án sử dụng dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016- 2020 và khoản 10.000 tỷ đồng từ nguồn điều chỉnh giảm vốn cho các dự án quan trọng quốc gia là 120 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài là 1.288,9 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài là 1.009,228 tỷ đồng;

+ Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững: 33,133 tỷ đồng;

- + Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới 100 tỷ đồng;
- + Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh là 146,539 tỷ đồng.

Sau khi được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định giao vốn chính thức, UBND tỉnh sẽ xây dựng phương án phân bổ, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định giao vốn cụ thể cho các dự án như các năm trước đây và báo cáo chi tiết tại kỳ họp HĐND tỉnh kế tiếp.

2.2. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương:

Theo Văn bản số 8472/BKHĐT-TH ngày 13/11/2019 của Bộ Kế hoạch về việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020: nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là **1.139,1 tỷ đồng**, trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 415,1 tỷ đồng;
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 500 tỷ đồng;
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 40 tỷ đồng;
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 184 tỷ đồng.

Căn cứ vào khả năng thu thực tế và nhu cầu chi đầu tư phát triển của tỉnh, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh kế hoạch vốn cân đối ngân sách địa phương năm 2020 của tỉnh là **1.444,1 tỷ đồng**¹³, bằng 127% so mức vốn Trung ương giao; trong đó:

- Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước là 415,1 tỷ đồng, bằng mức vốn Trung ương giao;
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất là 800 tỷ đồng¹⁴, bằng 160% mức vốn Trung ương giao;
- Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết là 45 tỷ đồng, bằng 112,5% mức vốn Trung ương giao;
- Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương là 184 tỷ đồng, bằng mức vốn Trung ương giao.

3. Phương án phân bổ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương cụ thể như sau:

3.1. Đối với nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: 415,1 tỷ đồng, dự kiến phân bổ:

¹³ Tăng 305 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu giá đất tăng 300 tỷ đồng, XSKT tăng 05 tỷ.

¹⁴ Trong đó: Phần vốn do cấp tỉnh quản lý là 450 tỷ đồng (gồm: 280 tỷ đồng thu tại thành phố Đông Hà do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện; 14 tỷ đồng thu tại KKT thương mại đặc biệt Lao Bảo và 156 tỷ đồng thu từ đầu giá quyền sử dụng đất công cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê); phần vốn do cấp huyện quản lý là 350 tỷ đồng.

a. Phân bổ đủ số vốn trung hạn còn lại được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 và điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 là 284,955 tỷ đồng¹⁵ theo đúng danh mục và mức vốn đã giao, cụ thể:

- Đầu tư các lĩnh vực Quốc hội quy định (giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ): 85 tỷ đồng, chiếm 30% tổng vốn.

- Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN): 62,223 tỷ đồng, chiếm 22% tổng vốn; trong đó:

+ Hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo: 0,5 tỷ đồng;

+ Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương (bao gồm các dự án do UBND tỉnh làm cơ quan chủ quản và một số dự án nhóm Ô): 59,733 tỷ đồng;

+ Ưu đãi đầu tư: 02 tỷ đồng.

- Số vốn còn lại là 137,722 tỷ đồng, chiếm 48% tổng vốn, trong đó: Tỉnh quản lý 82,634 tỷ đồng (60%) và phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý 55,088 tỷ đồng (40%).

b. Số vốn còn lại là 130,145 tỷ đồng:

Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn Ngân sách địa phương đã được Thủ tướng Chính phủ, số vốn dự phòng thuộc nguồn vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí của tỉnh là 198,631 triệu đồng. Tuy nhiên, do khó khăn về nguồn vốn nên kế hoạch năm 2020 Trung ương chỉ giao 130,145 tỷ đồng, thiếu 68,486 tỷ đồng. Vì vậy, UBND tỉnh dự kiến phân bổ cho danh mục các dự án sử dụng phần vốn dự phòng ngân sách địa phương được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 theo nguyên tắc: (1) tập trung vốn cho những công trình, dự án cấp thiết của địa phương; (2) bố trí đủ vốn để trả nợ khối lượng hoàn thành và tạm ứng ngân sách địa phương để triển khai thực hiện dự án; (3) những công trình, dự án có tổng mức đầu tư thấp hoặc nhu cầu vốn còn lại không nhiều nhằm đảm bảo cơ bản hoàn thành dự án trong điều kiện nguồn vốn ngân sách địa phương hạn chế và thời gian thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 không còn nhiều. Các dự án chưa được bố trí vốn hoặc bố trí chưa đủ theo mức vốn theo Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 sẽ tiếp tục giao khi được Trung ương thông báo bổ sung.

3.2. Đối với nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất:

a. Phần vốn do cấp tỉnh quản lý: 450 tỷ đồng

¹⁵ Nguồn vốn đầu tư cân đối theo tiêu chí kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 (phân bổ chi tiết 90%) được HĐND tỉnh giao là 1.787,675 tỷ đồng; Kế hoạch 2016-2019 đã được HĐND tỉnh giao là: 1.502,72 tỷ đồng, cụ thể: kế hoạch 2016 là 360,1 tỷ đồng; kế hoạch 2017 là 350,4 tỷ đồng, kế hoạch 2018 là 396,11 tỷ đồng, kế hoạch 2019 là 396,11 tỷ đồng.

- Đối với 280 tỷ đồng thu tại thành phố Đông Hà (do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện): sau khi dành 56 tỷ đồng (chiếm 20%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất, số còn lại 224 tỷ đồng, phân bổ cho:

- + Các công trình phát triển quỹ đất là 168 tỷ đồng (chiếm 60% tổng vốn);
- + Các công trình khác của tỉnh là 56 tỷ đồng (chiếm 20%).

- Đối với 24 tỷ đồng thu tại Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo: sau khi dành 2,8 tỷ đồng (chiếm 20%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất; số vốn còn lại 11,2 tỷ đồng dự kiến phân bổ thực hiện các dự án thuộc Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo, KCN Quán Ngang và KCN Tây Bắc Hồ Xá.

- Đối với 156 tỷ đồng đấu giá quyền sử dụng đất công cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê: sau khi dành 31,2 tỷ đồng (chiếm 20%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất; số còn lại 124,8 tỷ đồng, bố trí cho các dự án tạo quỹ đất và phát triển KT-XH của tỉnh.

b. Phần vốn do cấp huyện quản lý: 350 tỷ đồng giao UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động phân bổ theo Nghị quyết số 17/2016/NQ-HĐND ngày 19/8/2016 của HĐND tỉnh về cơ chế tài chính xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển quỹ đất và GPMB, tạo quỹ đất sạch.

3.3. Đối với nguồn vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết:

Dự kiến năm 2020 là 45 tỷ đồng, trong đó: đầu tư cho giáo dục - đào tạo 19,446 tỷ đồng, chiếm 43%; đầu tư cho y tế 16,776 tỷ đồng, chiếm 37% và hỗ trợ xây dựng nông thôn mới 7,978 tỷ đồng, chiếm 18%, phúc lợi xã hội 0,8 tỷ đồng chiếm 2%.

II. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quán triệt và tổ chức thực hiện đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 25/6/2019 về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và Văn bản số 4538/BKHĐT-TH ngày 03/7/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020:

Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đầu tư phải gắn với mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, quy hoạch của tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực.

Chuẩn bị đầy đủ và hoàn thành các chương trình, đề án, các dự án đầu tư đã có chủ trương đầu tư hoặc đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý tiếp tục làm việc với Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương nhằm tranh thủ sự hỗ trợ để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của tỉnh.

Quản lý chặt chẽ vốn đầu tư của các dự án, thông báo vốn đến từng hạng mục công trình, từng gói thầu; ưu tiên bố trí vốn cho các hạng mục đã hoàn

thành, các hạng mục chuyển tiếp; không bố trí vốn cho các hạng mục mới khi các hạng mục chuyển tiếp chưa bố trí đủ vốn.

Đối với các công trình, dự án đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng nhưng các chủ đầu tư không tiến hành quyết toán theo đúng quy định hoặc không thanh toán hoàn vốn tạm ứng ngân sách thì không bố trí vốn cho các công trình, dự án khởi công mới do các đơn vị đó làm chủ đầu tư.

Tăng cường trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc kiểm soát phạm vi, mục tiêu, quy mô đầu tư của từng dự án. Người ký quyết định đầu tư không xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối được nguồn vốn để thực hiện dự án, phải chịu trách nhiệm về những tổn thất gây ra.

2. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tổ chức điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2020 của tỉnh:

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo điều hành để công tác thực hiện và giải ngân vốn xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh có chuyển biến tích cực hơn. Kịp thời phối hợp giải quyết, tháo gỡ dứt điểm những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020.

Các cơ quan chức năng tăng cường công tác giám sát, đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB, kịp thời xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn. Duy trì thường xuyên giao ban XDCB hàng quý để đánh giá quá trình thực hiện và đẩy nhanh tiến độ khối lượng, giải ngân các nguồn vốn bố trí theo kế hoạch đề ra cũng như xử lý các vướng mắc nảy sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Đồng thời, tiếp tục tăng cường mối quan hệ với các Bộ, ngành Trung ương, các tỉnh bạn, các tổ chức trong và ngoài nước, các đại sứ quán, các tham tán thương mại ở các nước để trao đổi và thu thập thông tin về đầu tư và viện trợ nhằm đẩy mạnh công tác thu hút, vận động các nguồn vốn đầu tư phát triển.

Các đơn vị, chủ đầu tư triển khai thực hiện và giải ngân các nguồn vốn đầu tư ngay từ khi được giao kế hoạch. Đẩy nhanh công tác chuẩn bị thực hiện dự án, công tác lựa chọn nhà thầu theo đúng quy định pháp luật, sớm khởi công công trình; hoàn thiện hồ sơ thanh toán đối với các dự án phải thu hồi ứng trước, thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn thành các hồ sơ hoàn tạm ứng tại Kho bạc Nhà nước theo đúng thời gian và thủ tục quy định. Tăng cường kiểm tra, thanh tra và giám sát chặt chẽ hoạt động đấu thầu, xây lắp, thi công công trình để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý và đề xuất xử lý kịp thời. Khẩn trương hoàn thành các thủ tục để triển khai dự án, tranh thủ những tháng thời tiết thuận lợi. Chủ động theo dõi, đề xuất điều chuyển vốn các công trình, dự án chậm được triển khai, vướng thủ tục để bổ sung cho công trình, dự án có khối lượng nhưng thiếu vốn. Phân đấu thực hiện giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 đã được UBND tỉnh giao.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước rà soát tiến độ giải ngân của các dự án để tham mưu UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn thuộc thẩm quyền của tỉnh

đối với các công trình, dự án đến hết ngày 30/6/2020 chưa giải ngân; các dự án đến hết ngày 30/9/2020 giải ngân dưới 60% vốn kế hoạch; các dự án đến hết ngày 30/11/2020 giải ngân dưới 85% vốn kế hoạch. Đồng thời, các Sở, ban ngành, địa phương cần kiểm điểm và có biện pháp xử lý đối với các cơ quan, đơn vị chậm giải ngân hoặc để mất vốn đã được giao.

Kho bạc Nhà nước tỉnh tiếp tục chủ động, đôn đốc các chủ đầu tư, ban quản lý dự án khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, làm thủ tục thanh toán ngay khi có khối lượng được nghiệm thu, không dồn vào cuối năm. Đồng thời, căn cứ vào quyết định của cấp có thẩm quyền, đôn đốc các chủ đầu tư thu hồi vốn ứng trước, vốn tạm ứng. Rút ngắn thời gian kiểm soát chi góp phần cải thiện tốc độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2020. Định kỳ hàng tháng, Kho bạc Nhà nước các huyện, thành phố, thị xã chủ động báo cáo HĐND, UBND các cấp số liệu giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản đối với từng chủ đầu tư trên địa bàn. Tăng cường kỷ luật, chất lượng công tác tổng hợp báo cáo, thực hiện nhập đầy đủ ngay khi có phát sinh thanh toán, đáp ứng kịp thời, chính xác số liệu báo cáo để phục vụ tốt công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp lãnh đạo.

Nghiêm túc áp dụng công tác đấu thầu qua mạng theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ quy định và UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 nhằm tăng tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

UBND các huyện, thành phố, thị xã phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư trong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh công tác kiểm kê, áp giá, bồi thường, tuyên truyền, tích cực vận động di dời, thực hiện các chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà thầu thi công công trình, dự án đảm bảo thực hiện theo đúng tiến độ đề ra.

Các Sở, Ban ngành và địa phương đôn đốc, theo dõi việc triển khai thực hiện chế độ báo cáo trực tuyến và quản lý vận hành Hệ thống thông tin về giám sát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn nhà nước theo đúng quy định tại Điều 16, Thông tư số 03/2017/TT-BKHĐT ngày 25/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định chế độ báo cáo việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công. Đồng thời, các Sở, ban ngành liên quan tổng hợp báo cáo UBND tỉnh phương án xử lý đối với các chủ đầu tư không thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện và giải ngân định kỳ tháng, quý, năm theo đúng quy định.

Trong quá trình quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nghiêm cấm việc để xảy ra tình trạng phát sinh nợ đọng XD CB; chỉ thực hiện khối lượng công việc trong phạm vi kế hoạch vốn đã phân bổ; không yêu cầu nhà thầu tự bỏ vốn thực hiện chuẩn bị đầu tư, thi công dự án khi chưa được bố trí vốn; chỉ tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu đã được bố trí vốn; thực hiện lập và điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo tiến độ chung của dự án và kế hoạch vốn được giao. Chủ động cân đối, bố trí ngân sách cấp mình quản lý và các nguồn vốn hợp pháp khác để xử lý nợ đọng XD CB và thu hồi vốn ứng trước.

Việc tạm ứng ngân sách để giải quyết nhu cầu cấp bách phải chỉ rõ nguồn vốn để thu hồi.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện công khai các quy trình, thủ tục liên quan đến công tác đầu tư. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong phòng ngừa và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và giám sát đầu tư. Tổ chức tốt công tác giám sát của cộng đồng đối với các hoạt động đầu tư và xây dựng theo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phân bổ vốn đầu tư XDCB năm 2019 và Kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách do tỉnh quản lý năm 2020, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh./. *mb*

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy (để b/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- TT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ngành cấp tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH** *wh*



Nguyễn Đức Chính

Biểu số 1
TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THUỘC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH 2020

DVT: Triệu đồng

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch 2016-2020 HĐND tỉnh đã giao	Kế hoạch 2016-2019 HĐND tỉnh đã giao	Trong đó				Kế hoạch 2020 Trung ương giao	Kế hoạch 2020 địa phương giao	Ghi chú
				Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2018	Kế hoạch 2019			
	TỔNG CỘNG	4.767.792	3.439.206	743.042	811.233	815.881	1.085.596	1.139.100	1.444.100	ĐP phân bổ bằng 127% vốn TW giao
A	ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	1.986.306	1.502.720	360.100	350.400	396.110	396.110	415.100	415.100	ĐP phân bổ bằng mức vốn TW giao
I	DỰ PHÒNG (10%)	198.631							130.145	Chi tiết tại biểu số 8
II	PHÂN BỐ CHI TIẾT (90%)	1.787.675	1.502.720	360.100	350.400	396.110	396.110		284.955	
1	Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định ((Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ)	446.400	361.400	84.000	92.400	90.000	95.000		85.000	Chi tiết tại biểu số 2
2	Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN)	470.938	408.705	207.785	49.804	71.116	80.000		62.233	
2.1	Chi trả vốn vay kiên cố hóa KM và GTNT thực hiện vay hàng năm	32.000	32.000	32.000						
2.2	Chi trả vốn vay theo Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ	30.000	30.000	30.000						
2.3	Hoàn trả tạm ứng nhân rồi KBNN	100.720	100.720	100.720						
2.4	Thực hiện các chương trình mục tiêu từ TW chuyển về chi từ NSDP	20.721	20.221	19.221		500	500		500	
2.5	Ưu đãi đầu tư	8.000	6.000	2.000		2.000	2.000		2.000	
2.6	Đối ứng các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011-2015 thực hiện từ nguồn vốn NSTW, XSKT, Chương trình MTQG	1.925	1.925	1.925						
2.7	Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương	277.572	217.839	21.919	49.804	68.616	77.500		59.733	Chi tiết tại biểu số 3
3	Cân đối theo tiêu chí (sau khi thực hiện đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh)	870.337	732.615	68.315	208.197	234.994	221.110		137.722	

TT	Các nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch 2016-2020 HĐND tỉnh đã giao	Kế hoạch 2016-2019 HĐND tỉnh đã giao	Trong đó				Kế hoạch 2020 Trung ương giao	Kế hoạch 2020 địa phương giao	Ghi chú
				Kế hoạch 2016	Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2018	Kế hoạch 2019			
3.1	Cấp tỉnh quản lý (60%)	522.203	439.569	40.989	124.918	140.996	132.666		82.634	Chi tiết tại biểu số 4
3.2	Cấp huyện quản lý (40%)	348.134	293.046	27.326	83.279	93.998	88.444		55.088	Chi tiết tại biểu số 5
B	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	2.583.893	1.783.893	345.563	425.619	375.071	637.586	500.000	800.000	ĐP phân bổ bằng 160% vốn TW giao Chi tiết tại biểu số 6
1	Cấp tỉnh quản lý	1.159.133	709.133	135.857	158.619	180.071	234.586		450.000	
2	Cấp huyện quản lý	1.424.760	1.074.760	209.706	267.000	195.000	403.000		350.000	
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT	197.593	152.593	37.379	35.214	35.000	45.000	40.000	45.000	ĐP phân bổ bằng 113% vốn TW giao Chi tiết tại biểu số 7
D	ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					9.700	6.900	184.000	184.000	Giao sở Tài chính triển khai thực hiện

Ghi chú:

- 1 Kế hoạch 2016 - 2020 được giao tại Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 và điều chỉnh, bổ sung tại Nghị quyết số 22/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh
- 2 Kế hoạch dự phòng 2016 - 2020 được giao tại Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 8/12/2018 của HĐND tỉnh
- 3 Kế hoạch 2016 được giao tại Nghị quyết số 26/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh
- 4 Kế hoạch 2017 được giao tại Nghị quyết số 25/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh (không tính phần chi trả các khoản nợ vay 45,71 tỷ đồng)
- 5 Kế hoạch 2018 được giao tại Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh
- 6 Kế hoạch 2019 được giao tại Nghị quyết số 24/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của HĐND tỉnh
- 7 Nguồn thu sử dụng đất (cấp tỉnh quản lý): Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 bao gồm kế hoạch bổ sung (2 đợt); Kế hoạch 2016, 2017, 2018 là số thu thực tế (bao gồm vượt thu) và Kế hoạch 2019 là số thu dự kiến nên kế hoạch vốn khác so với kế hoạch Nghị quyết HĐND tỉnh giao đầu năm
- 8 Nguồn vốn XSKT: Kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 giao bao gồm kế hoạch dự phòng và kế hoạch bổ sung (tăng); Kế hoạch 2016, 2017 bao gồm số vượt thu nên cao hơn so với kế hoạch Nghị quyết HĐND tỉnh giao đầu năm



Biểu số 2

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
	TỔNG CỘNG					433.013	338.823	275.766	190.766	85.000	
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO					386.884	294.448	247.364	174.473	72.891	
I	CẤP TỈNH					215.474	177.222	134.972	90.795	44.177	
-	Các công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt quyết toán							4.025	3.195	830	
-	Trường THPT Cửa Việt, huyện Gio Linh	Gio Linh	15 phòng	16-18	2376a/QĐ-UBND 30/10/2015	45.500	45.500	29.692	27.022	2.670	+ XSKT, SDĐ
-	Trường THPT Đông Hà, Hạng mục: Nhà hiệu bộ; Nhà đa năng, Nhà học và thực hành	Đông Hà	3.108m ²	2017-2019	2757/QĐ-UBND 30/10/2016	19.971	19.971	15.171	14.617	554	+ XSKT
-	Trường THPT Trần Thị Tâm, Hải Lăng. Hạng mục: Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	Hải Lăng	780m ²	2017-2019	2758/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	5.800	5.800	5.236	5.150	86	HT
-	Trường THPT Lao Bảo, huyện Hướng Hóa. Hạng mục: Nhà học thực hành và sân bê tông	Hướng Hóa	1.080m ²	2017-2019	2759/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	8.580	8.580	7.314	6.700	614	+ XSKT
-	Trường THPT Chế Lan Viên, Cam Lộ. Hạng mục: Nhà hiệu bộ các hạng mục phụ trợ	Cam Lộ	805m ²	2017-2019	2760/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	8.330	8.330	6.012	6.000	12	+ XSKT
-	Trường THCS Hải Chánh	Hải Lăng	575m ²	16-17	494/QĐ-UBND ngày 15/3/2016	3.395	730	588	535	53	Đổi ứng
-	Trường THCS Hội Yên	Hải Lăng	578m ²	16-17	540/QĐ-UBND ngày 21/3/2016	4.574	1.160	860	844	16	Đổi ứng
-	Trường THCS Triệu Trung	Triệu Phong	6 phòng học, 395m ²	16-17	495/QĐ-UBND ngày 15/3/2016	4.063	990	882	863	19	Đổi ứng
-	Trường THCS Gio Mai	Gio Linh	575m ²	16-17	541/QĐ-UBND ngày 21/3/2016	3.735	875	913	879	34	Đổi ứng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	Hải Lăng		18-20		33.386	33.386	10.800	2.000	8.800	+ XSKT
-	Nhà học lý thuyết Trường THPT Đakrông	Đakrông		18-20		9.000	9.000	8.900	4.600	4.300	+ XSKT
-	Nâng cấp và xây mới trường Mầm non Sao Mai, Đông Hà	Đông Hà		18-20		9.000	9.000	7.500	4.100	3.400	+ XSKT
-	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Triệu Phong	Triệu Phong		18-20		6.000	6.000	4.500	2.000	2.500	+ XSKT
-	Nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng Y tế	Đông Hà		18-20		8.000	8.000	6.000	2.790	3.210	+ XSKT
-	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo	Đông Hà		18-20		4.000	4.000	5.999	3.020	2.979	
-	Hội trường Sở Giáo dục và Đào tạo	Đông Hà		18-20		8.000	8.000	8.000	3.000	5.000	
-	Cải tạo ký túc xá Trường PTDT nội trú tỉnh	Đông Hà		18-20		1.200	1.200	1.000	700	300	
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Đông Hà	Đông Hà		18-20		3.000	2.000	2.000	0	2.000	
-	Chương trình phát triển giáo dục trung học giai đoạn 2	Toàn tỉnh		19-20		29.940	4.700	4.700	1.500	3.200	
-	Nhà học Thực hành Trường THPT thị xã Quảng Trị	Quảng Trị		18-20				3.000	0	3.000	
-	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Hữu Thận	Triệu Phong		18-20				1.880	1.280	600	
II	CẤP HUYỆN					171.411	117.226	112.392	83.678	28.714	
1	Huyện Hướng Hóa					16.560	11.800	10.117	7.118	2.999	
-	Trường PTDT bán trú THCS Hướng Phùng, Hạng mục: Nhà bán trú 2 tầng	Hướng Phùng	16 phòng bán trú, 780m2	17-19	2775/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	7.560	6.000	6.017	4.218	1.799	
-	Trường PTDT bán trú TH & THCS Hướng Lập, Hạng mục: Nhà bán trú 2 tầng	Hướng Lập	10 phòng bán trú, 512m2	17-19	3590/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND huyện Hướng Hóa	5.000	4.000	3.500	2.900	600	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số					Trong đó: NSDP	
-	Trường Tiểu học số 2 Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Khe Sanh					4.000	1.800	600			
2	Huyện Đakrông						15.500	12.400	10.300	7.100	3.200	
-	Trường Mầm non Triệu Nguyên. Hạng mục 04 phòng học	Triệu Nguyên	4 phòng học, 411m ²	17-19	2105/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Đakrông		3.500	2.800	2.300	2.100	200	+ XSKT
-	Trường Tiểu học thị trấn Krông Klang. Hạng mục 08 phòng học	TT Krông Klang	8 phòng học, 681m ²	17-19	2107/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Đakrông		5.000	4.000	2.900	2.300	600	HT
-	Trường PTDT bán trú Tà Long	Tà Long	834m ²	18-20	2749a/QĐ-UBND 28/10/2016		7.000	5.600	5.100	2.700	2.400	
3	Huyện Cam Lộ						27.579	19.800	16.200	12.675	3.525	
-	Trường Tiểu học Lê Văn Tám	Cam An	6 phòng học	16-18	456/QĐ-UBND ngày 30/3/2016 của UBND huyện Cam Lộ		4.545	3.500	3.500	3.000	500	
-	Trường THCS Lê Hồng Phong	Cam Tuyên	6 phòng học	16-18	471/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND huyện Cam Lộ		4.834	3.800	3.800	3.300	500	
-	Trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, Hạng mục: Nhà học 2 tầng	Cam Thủy	787m ²	17-19	3983/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Cam Lộ		5.000	4.000	3.100	2.150	950	+ XSKT
-	Trường Mầm non Hoa Hồng, Hạng mục: Nhà học 2 tầng	Cam Hiếu	804m ²	17-19	3984/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Cam Lộ		5.000	4.000	2.500	2.150	350	+ XSKT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số	Trong đó: NSDP				
	Trường Mầm non Hoa Mai, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	Cam Nghĩa	06 phòng	18-19	2677/QĐ-UBND 14/11/2018 của UBND huyện	4.200	1.500	700	0	700	Đối ứng VNPT
-	Trường THCS Lê Thế Hiếu, Hạng mục: Nhà học 2 tầng	Cam Chính	744m2	17-19	3981/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND huyện Cam Lộ	4.000	3.000	2.600	2.075	525	
4	Huyện Hải Lăng					16.417	9.700	9.700	6.950	2.750	
-	Trường THCS Hải Xuân, Hạng mục: Nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn	Hải Xuân	8 phòng học, 974m2	17-19	2678 /QĐ-UBND ngày 28/10/2016	6.600	3.800	3.800	2.550	1.250	
-	Trường Mầm non Hải Chánh, Hạng mục: Nhà 2 tầng	Hải Chánh	695m2	17-19	867/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Hải Lăng	4.942	2.950	2.950	2.250	700	
-	Trường THCS Hội Yên, Hạng mục: Nhà học bộ môn	Hải Quế	6 phòng học	17-19	868/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Hải Lăng	4.875	2.950	2.950	2.150	800	
5	Huyện Triệu Phong					15.000	9.100	9.600	6.200	3.400	
-	Trường THCS Triệu Sơn, Hạng mục: Nhà học thực hành	Triệu Sơn	764m2	17-19	1118/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Triệu Phong	5.000	3.050	3.050	2.600	450	
-	Trường Mầm non trung tâm xã Triệu Hòa	Triệu Hòa	654m2	17-19	1119/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND h. Triệu Phong	5.000	3.050	3.050	2.600	450	
-	Trường Tiểu học Triệu Sơn	Triệu Sơn				5.000	3.000	3.500	1.000	2.500	
6	Huyện Gio Linh					26.900	19.359	19.143	14.259	4.884	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Trường THCS Trung Hải	Gio Linh	1.10,7m2	16-18	1462/QĐ-UBND 28/6/2016	8.900	7.159	6.943	6.459	484	
-	Trường THCS Thị trấn Gio Linh, Hạng mục: Nhà 3 tầng 12 phòng học	Gio Linh	12 phòng học, 1.070m2	17-19	2747/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	7.000	4.200	4.200	2.700	1.500	
-	Trường mầm non Hoa Mai, Hạng mục: Nhà 2 tầng, 6 phòng học	Gio Linh	6 phòng học, 832m2	17-19	2748/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	6.000	4.400	4.400	2.700	1.700	
-	Trường Tiểu học Linh Hải, Hạng mục: Nhà bán trú, căng tin, phòng học Tiếng Anh	Linh Hải	731m2	17-19	0817/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND h. Gio Linh	5.000	3.600	3.600	2.400	1.200	
7	Huyện Vĩnh Linh					38.645	24.850	19.396	15.776	3.620	
-	Trường Mầm non xã Vĩnh Tú	Vĩnh Tú	6 phòng học	2016-2018	1310/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	6.351	3.500	3.259	3.100	159	
-	Trường Mầm non xã Vĩnh Chấp	Vĩnh Chấp	6 phòng học	2016-2018	1312/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	5.573	3.500	3.137	3.026	111	
-	Trường Tiểu học Cửa Tùng	TT Cửa Tùng	10 phòng học	2016-2018	1311/QĐ-UBND ngày 15/6/2016	5.521	3.500	3.500	3.000	500	
-	Trường THCS Nguyễn Trãi, Hạng mục: Nhà 2 tầng 10 phòng học	TT Hồ Xá	10 phòng học, 1.008m2	17-19	2773/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	7.500	6.000	3.450	2.800	650	+ XSKT
-	Trường THCS Trần Công Ái, Hạng mục: Nhà học bộ môn và phòng chức năng	Vĩnh Tú	6 phòng học, 614m2	17-19	3271/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Vĩnh Linh	3.700	2.050	2.050	1.950	100	
-	Trường MN số 2 Vĩnh Lâm (cụm Tiên Mỹ), Hạng mục: Nhà 2 tầng 6 phòng học	Vĩnh Lâm	6 phòng học, 760m2	17-19	3270/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Vĩnh Linh	5.000	2.300	2.300	1.900	400	
-	Trường Tiểu học và THCS Vĩnh Hòa (Cụm Đơn Duệ), Hạng mục: Nhà 2 tầng 8 phòng học	Vĩnh Linh	8 phòng học	18-20	1527/QĐ-UBND 07/6/2017	5.000	4.000	1.700	0	1.700	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
8	Thành phố Đông Hà					8.150	5.700	13.150	9.300	3.850	
-	Trường Tiểu học Phan Bội Châu, Hạng mục: Nhà học 2 tầng	Đông Hà	10 phòng học, 1.045m ²	17-19	2765/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	5.500	3.300	4.900	4.400	500	+ XSKT
-	Trường Tiểu học Hàm Nghi	Đông Hà		2017	2680/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	1.150	900	1.150	900	250	
-	Trường THCS Nguyễn Trãi	Đông Hà						5.500	3.000	2.500	
-	Trường THCS Phan Đình Phùng	Đông Hà				1.500	1.500	1.500	1.000	500	
-	Trường Tiểu học Hàm Nghi, TP Đông Hà. Hạng mục: Nhà hiệu bộ	Đông Hà						100		100	
9	Thị xã Quảng Trị					6.660	4.517	4.786	4.300	486	
-	Nhà hiệu bộ Trường THCS Lý Tự Trọng	TX Quảng	971m ² , 6 phòng	16-18	2088/QĐ-UBND ngày 01/9/2016	6.660	4.517	4.386	4.300	86	
-	Sửa chữa phòng học và một số hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học và THCS Lương Thế Vinh	TXQT						400	0	400	
B	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ					46.129	44.375	28.402	16.293	12.109	
-	Trạm ứng dụng Khoa học công nghệ Bắc Hướng Hóa	Hướng Hóa	150 ha	17-19	2756/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	19.129	19.129	15.471	7.971	7.500	
-	Thiết bị đo lường thử nghiệm phụ vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa tại khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo và trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	Thiết bị	16-19	2755/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.000	25.246	12.931	8.322	4.609	

Biểu số 3
TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGUỒN VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA THUỘC TRÁCH NHIỆM NGÂN SÁCH TẬP TRUNG

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số					Trong đó: NSDP
TỔNG SỐ						5.753.949	1.626.701	529.569	172.698	112.965	59.733	
A	Các dự án do UBND tỉnh làm cơ quan chủ quản					3.900.822	715.866	330.531	113.887	83.731	30.156	
1	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	Đông Hà, Hướng Hóa	02 đô thị	2013-2021	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067	436.441	216.645	52.226	37.206	15.020	KH trung hạn đã được điều chỉnh
2	Dự án Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Long-Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh (Italia)	Vĩnh Linh	2.000 m3/ngày.đêm	2014-2015	1224/QĐ-UBND ngày 13/7/2010; 1013/QĐ-UBND ngày 28/5/2014	14.008	10.861	1.000	1.000	0	1.000	
3	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị	TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH	3 Hợp phần	2017-2022	2293/TTg-QHQT ngày 20/12/2016; 998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017	998.150	174.620	80.700	38.571	26.949	11.622	KH trung hạn đã được điều chỉnh
4	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	500 giường bệnh	2016-2018	1971/QĐ-UBND ngày 14/9/2015; 2010/QĐ-UBND ngày 24/7/2017	319.151	28.198	8.198	8.198	6.954	1.244	
5	Dự án Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Quảng Trị	toàn tỉnh	3 Hợp phần	2013-2017	2241/QĐ-UBND ngày 28/10/2011; 152/QĐ-UBND ngày 30/01/2013	73.707	16.007	1.601	1.601	923	678	
6	Dự án Đường nối Cầu Đại Lộc với Quốc lộ 1A	TP, ĐH	2.080,47 m	2013-2015	1636/QĐ-UBND ngày 01/9/2013; 1750/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	49.739	49.739	22.387	12.291	11.699	592	

TT	Dan h mục dự án	Địa đi ểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số					Trong đó: NSDP
B	Các dự án nhóm Ô					1.853.127	910.835	199.038	58.811	29.234	29.577	
1	Dự án quản lý thiên tai (WB5)	VL, TP, QT	Nâng cấp hồ Triệu Thượng 1,2; Việt Yên-Vĩnh Phước; Phước Môn, xã Hải Lệ	2012-2017	1370/QĐ-BNN-HTQT ngày 11/6/2012	192.229	35.443	19.207	18.907	13.784	5.123	
2	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA)	HH, GL, HL, TP	Trồng rừng phòng hộ 2.900 ha, bảo vệ 2.500 ha, khoanh nuôi tái sinh 1.700 ha	2012-2021	319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012; 1405/QĐ-UBND ngày 08/8/2012	288.069	42.620	41.620	11.226	8.950	2.276	
3	Dự án Hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Trị	VL, GL, TP, HL		2017-2023	1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017	428.900	428.900	55.833	14.972	2.000	12.972	
4	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	VL, CL, GL, ĐK, HH, TP, HL	Xây dựng 99,92 km đường; Bảo dưỡng thường xuyên 2.459km; XD, nập cấp, cải tạo 52 cầu (tổng chiều dài 2.213m)	2016-2021	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	534.769	331.769	10.275	10.275	4.500	5.775	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Kế hoạch bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số				
5	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	Xây dựng các trạm y tế	2020-2024	324/QĐ-TTg ngày 23/3/2019, 1371/QĐ-BYT ngày 16/4/2019, 710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	151.049	31.035	31.035	1.500	1.500	Bổ sung kế hoạch trung hạn
6	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	Gio Linh	Xây dựng bãi tắm cộng đồng; Xây dựng hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh môi trường; Công trình tôn tạo tài nguyên môi trường; Thiết bị công cộng phục vụ hoạt động	2018-2024	1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018, 2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	258.111	41.068	41.068	1.931	1.931	Bổ sung kế hoạch trung hạn

Biểu số 4
TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CƠN ĐỔI PHÂN CẤP ĐO CẤP TỈNH QUẢN LÝ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016-2020		Đã bố trí đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch 2020		Ghi chú
						TMĐT		Tổng số	Trong đó: Nợ đọng XDCB	Tổng số	Trong đó: Nợ đọng XDCB	Tổng số	Trong đó: Nợ đọng XDCB	
						Tổng số	Trong đó: NSDP							
	TỔNG CỘNG					1.769.221	263.732	251.833	89.801	169.299	65.257	82.634	24.544	
1	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							11.200	0	9.100	0	2.100	0	
2	QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH							54.255	15.468	49.314	15.468	4.941	0	
3	NÔNG LÂM NGHIỆP THỦY SẢN					331.866	18.531	14.431	7.931	6.999	4.000	7.532	3.931	
-	Kè chống xói lở, chỉnh trị dòng chảy, tích nước thôn Thượng Lâm, đường ứng cứu hai bờ sông huyện Cam Lộ (giai đoạn 1)	Cam Lộ		2013	769a/QĐ-UBND 26/4/2011 1260/QĐ-UBND 24/6/2014	310.000	7.931	7.931	7.931	4.000	4.000	3.931	3.931	
-	Trung tâm khuyến nông - khuyến lâm tỉnh	Đông Hà	500 m2	18-20	2911/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	3.000	3.000	3.000	0	2.899	0	101	0	
-	Xử lý sạt lở khẩn cấp bờ sông Hiếu thuộc địa bàn phường Đông Giang, thành phố Đông	Đông Hà	50 m	19-20	1651/QĐ-UBND ngày 02/7/2019	4.866	4.000	3.000	0	0	0	3.000	0	
-	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh	Hải Lăng	2000 m3/ ngày đêm	19-20		14.000	3.600	500	0	100	0	500	0	CBET
4	CÔNG NGHIỆP - CẤP ĐIỆN - CẤP NƯỚC					177.439	48.600	12.100	0	4.500	0	7.600	0	
-	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020	Toàn tỉnh	87 thôn	15-20	2393/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	148.000	22.200	3.000	0	1.500	0	1.500	0	
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt khu tái định cư Ka Tăng, thị trấn Lao Bảo	Hương Hóa	3225m	2014-2016	2434/QĐ-UBND ngày 17/6/2014	2.865	2.400	1.400	0	0	0	1.400	0	
-	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Cam Lộ	Cam Lộ	3 km	18-20	2419/QĐ-UBND 1/9/2017	4.500	3.500	3.500	0	2.000	0	1.500	0	
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị	Quảng Trị	2392 m2	18-20	1071/QĐ-UBND 13/5/2019	10.000	10.000	2.000	0	500	0	1.500	0	
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuyền Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2392 m2	18-20	1711/QĐ-UBND ngày 10/7/2019	7.500	7.500	1.000	0	500	0	500	0	
-	Xây dựng CSHT cụm công nghiệp Hải Chánh - Hạng mục: Tuyến đường giao thông RD-5	Hải Lăng	698m	20-21		4.574	3.000	1.200		0		1.200		
5	GIAO THÔNG					1.109.921	128.598	106.998	66.402	68.091	45.789	38.907	20.613	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016-2020		Đã bố trí đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch 2020		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: Nợ đọng XDCB	Tổng số	Trong đó: Nợ đọng XDCB	Tổng số		Trong đó: Nợ đọng XDCB
						Tổng số	Trong đó: NSDP							
-	Cầu An Mô	Triệu Phong	200 m	2011-2015	1516/QĐ-UBND 27/8/2012 911/QĐ-UBND 14/5/2015	128.650	24.882	24.882	24.882	15.595	15.595	9.287	9.287	
-	Đường tránh lũ, cứu hộ và phát triển kinh tế phía Tây huyện Triệu Phong và phía Nam huyện Cam Lộ	Triệu Phong	8.200m	2011-2015	247/QĐ-UBND 15/2/2011 1511/QĐ-UBND 22/7/2014	350.000	21.820	22.220	22.220	17.042	17.042	5.178	5.178	
-	Đường Nguyễn Bình Khiêm, thành phố Đông Hà	Đông Hà	345m	15-17	191/QĐ-UBND ngày 15/3/2016	14.996	14.996	7.996	0	4.802	0	3.194	0	
-	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn, đoàn tử thương lưu cầu Thạch Hãn đến đập Trầm	Quảng Trị	11.000m	2011-2015	951a/QĐ-UBND 3/6/2010 2115/QĐ-UBND 10/11/2010 550/QĐ-UBND 5/4/2013	327.960	19.300	19.300	19.300	13.152	13.152	6.148	6.148	
-	Via hè đường 2/4 huyện Gio Linh	Gio Linh	2,5 km	19-20	2096/QĐ-UBND 16/7/2018 (của UBND huyện GL)	1.600	1.600	1.600	0	1.000	0	600	0	
-	Đường và cầu Trung Yên, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	Đường: 750m; cầu 86m	18-20	1198/QĐ-UBND ngày 05/6/2017	8.199	6.000	6.000	0	2.500	0	3.500	0	
-	Đường liên xã Đakrông - Mỏ Ó - Triệu Nguyên - Ba Lòng, huyện Đakrông	Đakrông	20,3 km	17-21	1934/QĐ-UBND 15/8/2016	135.000	3.000	3.000	0	1.500	0	1.500	0	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông	Đakrông	7 tuyến đường, 5 tuyến điện	18-20	2513/QĐ-UBND 30/10/2018	19.060	5.000	5.000	0	2.500	0	2.500	0	
-	Đường vào khu sản xuất tập trung thôn Tả Đù, xã Tân Hợp, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	2450 m	19-20	3615/QĐ-UBND ngày 17/9/2018; 440/NQ-HĐND 27-10-2016	4.600	2.000	2.000	0	0	0	2.000	0	
-	Nâng cấp hệ thống đường giao thông TX Quảng Trị	Quảng Trị	26 tuyến đường	18-20	1915/QĐ-UBND 12/7/2017	119.856	30.000	15.000	0	10.000	0	5.000	0	
6	THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG					102.992	29.000	25.159	0	16.500	0	8.659	0	
-	Dự án công nghệ thông tin Tỉnh ủy	Toàn tỉnh	thiết bị	18-20	27/QĐ-TU ngày 16/11/2015	6.000	6.000	6.000	0	4.500	0	1.500	0	
-	Trung tâm truyền hình kỹ thuật số và một số hạng mục phụ trợ Đài PT-TH tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	3.388 m2	15-17	2349/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	50.000	15.000	13.500	0	9.000	0	4.500	0	
-	Xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	Đông Hà			2782/QĐ-UBND 31/10/2017	46.992	8.000	4.000	0	3.000	0	1.000	0	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 2016-2020		Đã bố trí đến hết kế hoạch 2019		Kế hoạch 2020		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó: Nợ đọng XDCB	Tổng số	Trong đó: Nợ đọng XDCB	Tổng số		Trong đó: Nợ đọng XDCB
						Tổng số	Trong đó: NSDP							
-	Mua sắm trang thiết bị nội thất Đài PT-TH tỉnh Quảng Trị	Đông Hà						1.659		0		1.659	0	
7	VĂN HÓA - THỂ THAO - DU LỊCH					16.403	14.403	11.341	0	6.811	0	4.530	0	
-	Sửa chữa, nâng cấp Nhà văn hóa trung tâm huyện Cam Lộ	Cam Lộ	2 tầng	18-20	2733/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	7.000	5.000	5.000	0	4.000	0	1.000	0	
-	Sửa chữa sân bãi Sân vận động Đông Hà	Đông Hà	Cải tạo	18-19	2598/QĐ-UBND ngày 7/11/2018	6.403	6.403	3.341	0	1.811	0	1.530	0	
-	Nhà thiếu nhi tỉnh	Đông Hà	Cải tạo	18-19	2980/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	3.000	3.000	3.000	0	1.000	0	2.000	0	
8	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					26.600	20.600	14.100	0	6.500	0	7.600	0	
-	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật Quảng trường và khuôn viên Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh	Đông Hà	7363 m2	19-20	2986/QĐ-UBND 31/10/2019	12.600	12.600	6.100	0	500	0	5.600	0	
-	Trụ sở UBNDTTQVN và các đoàn thể huyện Gio Linh	Gio Linh	900 m2	18-20	2930/QĐ-UBND 30/10/2017	14.000	8.000	8.000	0	6.000	0	2.000	0	
9	AN NINH QUỐC PHÒNG					4.000	4.000	2.249	0	1.484	0	765	0	
-	Công trình CH5-02	MẬT	MẬT	19-20	MẬT	4.000	4.000	2.249	0	1.484	0	765	0	+ Dự phòng NSDP

Biểu số 05

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI DO CẤP HUYỆN QUẢN LÝ**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	348.134	293.046	55.088	
1	Thành phố Đông Hà	66.570	55.914	10.656	
2	Thị xã Quảng Trị	28.720	24.115	4.605	
3	Huyện Hải Lăng	33.799	28.490	5.309	
4	Huyện Triệu Phong	32.666	27.559	5.107	
5	Huyện Gio Linh	31.947	26.974	4.973	
6	Huyện Vĩnh Linh	35.738	30.171	5.567	
7	Huyện Cam Lộ	18.032	15.231	2.801	
8	Huyện Đakrông	46.626	39.133	7.493	
9	Huyện Hướng Hóa	47.513	40.052	7.461	
10	Huyện đảo Côn Cỏ	6.523	5.407	1.116	



Biểu số 06

**TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT**

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG CỘNG					6.262.213	4.128.694	2.676.607	1.512.906	800.000	
A	CẤP TỈNH QUẢN LÝ					6.262.213	4.128.694	1.251.847	438.146	450.000	
I	THU TẠI ĐÔNG HÀ					5.034.511	3.418.190	1.092.847	438.146	280.000	
1	Đo vẽ địa chính và quỹ phát triển đất							124.500	68.500	56.000	
2	Thực hiện dự án					5.034.511	3.418.190	968.347	369.646	224.000	
2.1	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất					1.618.025	1.587.605	528.851	345.646	168.000	
-	Đường vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (giai đoạn 1)	Đông Hà	5,178 Km	2011-2021	1433/QĐ-UBND ngày 05/08/2010; 2795/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 870/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 2831/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 3389/QĐ-UBND 8/12/2017	189.127	158.707	107.016	74.996	28.000	Bổ sung trung hạn
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Đông Hà	78ha	2011-2017	1609/QĐ-UBND ngày 05/08/2011	334.014	334.014	148.291	127.240	18.000	
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	30ha	2016-2020	2372/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1829/QĐ-UBND ngày 04/8/2016	196.000	196.000	181.196	106.196	75.000	Trong đó: Trả nợ vốn vay 23 tỷ đồng
-	Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ	Đông Hà	5,43ha	2017-2019	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	45.108	45.108	46.534	34.534	12.000	Bổ sung trung hạn

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	41,6ha	2020-2025	13/NQ-HĐND ngày 20/7/2019	443.876	443.876	17.030	530	16.500	
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	25ha	2020-2025		155.000	155.000	3.600	600	1.000	2067/UBND-NN ngày 05/7/2013; 239/QĐ-UBND ngày 02/02/2018
-	Khu đô thị thương mại – dịch vụ Nam Đông Hà	Đông Hà	12,2ha	2019-2020		8.000	8.000	8.000		5.500	4216/UBND-TN ngày 16/9/2019
-	Via hè các tuyến đường Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1 (Lát vỉa hè một số tuyến chính tại các khu đô thị giai đoạn 1, giai đoạn 2)	Đông Hà	26ha	2020-2023		29.600	29.600	9.134	1.000	5.000	4608/UBND-TN ngày 08/10/2019
-	Khu đô thị Nam sông Hiếu	Đông Hà	18 ha	2020-2025		150.000	150.000	1.550	550	500	1911/UBND-TN ngày 10/5/2017
-	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	10 ha	2020-2022		14.500	14.500	3.000		3.000	1557/UBND-TN ngày 12/4/2019
-	Công viên cây xanh khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	1,6ha	2020-2022		14.500	14.500	3.000		3.000	5259/UBND-TN ngày 21/11/2018
-	Công viên mini Phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà	0,2ha	2020-2021		3.200	3.200	400		400	4572/UBND-TN ngày 07/10/2019
-	Khu đô thị Tân Vĩnh (phần tái cơ cấu của dự án Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3)	Đông Hà	10ha	2021-2023		35.100	35.100	100		100	124/TB-UBND ngày 27/8/2019
2.2	Công trình phát triển KTXH của tỉnh					3.416.486	1.830.585	439.496	24.000	56.000	
-	Đường nối từ đường xung quanh Trung tâm dịch vụ hội nghị tỉnh đến đường vào Hồ Trung Chi	Đông Hà	230m	2019-2020	1948/QĐ-UBND ngày 29/7/2019	2.085	2.085	2.085	500	1.500	HT
-	Đường nối từ Kiệt 42 đường Lương Ngọc Quyến đến Kiệt 317/QL.9	Đông Hà	40 m			200	200	200		200	HT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Đường Trường Chinh (đoạn từ Lê Lợi đến Hùng Vương)	Đông Hà	700m	2019-2021	2335/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	14.893	14.893	8.500	8.500		
-	Điện chiếu sáng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ QL.9 đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	3,1km	2020-2021		11.500	11.500	5.000	5.000	2325/UBND-TN ngày 28/5/2019	
-	Via hè đường Hùng Vương (đoạn từ Ngô Quyền đến Điện Biên Phủ)	Đông Hà	2,4km	2020-2021		25.000	25.000	5.000	3.000	4608/UBND-TN ngày 08/10/2019	
-	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Đông Hà	0,7km	2020-2023		64.000	64.000	5.100	5.100	77/TB-UBND ngày 17/7/2018	
-	Hoàn thiện hạ tầng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đường NTT đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	2,4km	2021-2024		20.000	20.000	200	200	CBĐT	
-	Mở rộng nghĩa trang nhân dân thành phố Đông Hà	Đông Hà	8 ha	18-20	2787a/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	18.427	11.060	6.000	500	3.000	Bổ sung trung hạn
-	Đường Nguyễn Bình Khiêm, TP Đông Hà	Đông Hà	345m	2015-2016	2004/QĐ-UBND 28/9/2011	14.996	14.996	3.500	3.000	500	
-	Xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà	Đông Hà		2016-2020	2000/QĐ-UBND ngày 24/8/2016	110.486	110.486	29.200	20.000	9.200	Bổ sung trung hạn
-	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng khu dân cư khu phố 5, phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà	Đông Hà		2019-2020	2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2017			1.400		1.400	Bổ sung trung hạn
-	Đường gom qua đường sắt từ xã Hải Lâm đến Hải Trường, huyện Hải Lăng	Hải Lăng		2019-2020	2206/QĐ-UBND ngày 14/8/2018			3.000		3.000	Bổ sung trung hạn
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuyền Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	468 m2	18-20	241/QĐ-UBND ngày 29/01/2019	7.500	7.500	1.200		4.500	Bổ sung trung hạn
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên-Môi trường	Đông Hà	897 m2	2020-2021		9.969	8.269	5.011		4.000	Bổ sung trung hạn
-	Đường Hà Huy Tập thị trấn Khe Sanh	Hướng Hóa	2.231 m	2019-2020	1264/QĐ-UBND ngày 11/6/2018	8.500	7.000	4.400		4.400	Bổ sung trung hạn

STT	Dan h mục dự án	Địa đi ểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư đ ược phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Hội nông dân tỉnh	Đông Hà		2020		1.000	1.000	1.000	1.000		
-	Nhà văn hóa trung tâm thành phố Đông Hà	Đông Hà				55.025	1.500	1.500	1.500		
II	THU TẠI KHU KINH TẾ TMĐT LAO BẢO					199.167	36.696	14.000	0	14.000	
<i>1</i>	<i>Đo vẽ địa chính và quy hoạch phát triển đất</i>							<i>2.800</i>	<i>0</i>	<i>2.800</i>	
<i>2</i>	<i>Thực hiện dự án</i>					<i>199.167</i>	<i>36.696</i>	<i>11.200</i>	<i>0</i>	<i>11.200</i>	
-	CSHT Khu tái định cư Lao Bảo - Tân Thành (GD1)	Hướng Hóa		2013-2015	2812/QĐ-UBND ngày 28/12/2012	59.412	5.941	2.400	0	2.400	
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT thương mại đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Hướng Hóa		2016-2020	2383/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	121.691	12.691	3.600	0	3.600	Cứu trợ hoàn thiện các tuyến đường đ ờ dang (đường Hồng Chấn)
-	Công chính KCN Quán Ngang	Gio Linh		2014-2016	2448/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	5.599	5.599	1.200	0	1.200	
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vĩnh Linh	140,84 ha	2014-2015	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	4.000	0	4.000	
III	THU TẠI CÁC KHU ĐẤT GIAO CHO DOANH NGHIỆP					1.227.702	710.504	159.000	0	156.000	
<i>1</i>	<i>Đo vẽ địa chính và quy hoạch phát triển đất</i>							<i>31.200</i>	<i>0</i>	<i>31.200</i>	
<i>2</i>	<i>Thực hiện dự án</i>					<i>1.227.702</i>	<i>710.504</i>	<i>127.800</i>	<i>0</i>	<i>124.800</i>	
<i>2.1</i>	<i>Phân bổ đợt 1</i>					<i>1.064.828</i>	<i>561.204</i>	<i>70.200</i>	<i>0</i>	<i>70.200</i>	
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	41,6ha	2020-2025	13/NQ-HĐND ngày 20/7/2019	443.876	443.876	11.000	0	11.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Cầu kết nối khu đô thị Đắc sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà thuộc dự án phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	Đông Hà	327m	2019-2021	447/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 và 814/QĐ-UBND ngày 12/4/2019	334.366	53.386	25.000		Ưu tiên đền bù GPMB	
-	Hệ thống tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	18.500 ha	2016-2020	639/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	104.742	44.742	15.000	15.000	Đổi ứng NSTW	
-	Xây dựng hệ thống camera giám sát trật tự an toàn giao thông, kết hợp giám sát an ninh trật tự tại các khu vực trọng yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh		2019-2021	2631/QĐ-UBND ngày 30/9/2019	14.997	5.000	5.000	5.000		
-	Đường cứu hộ cứu nạn phòng chống lụt bão đoạn từ thượng lưu cầu Thạch Hãn đến đập Trầm	Triệu Phong, TX QTri	6km	2011-2016	2854/QĐ-UBND ngày 18/10/2019	166.847	14.200	14.200	14.200	Trả nợ khối lượng đã quyết toán	
2.1	Phân bổ sau					162.874	149.300	57.600	54.600		
-	GPMB, tạo quỹ đất sạch để đấu giá các khu đất công cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê đất	Đông Hà		2018-2020		6.800	6.800	6.800			
-	Đường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Đông Hà	0,7km	2020-2023		64.000	64.000	12.000			
-	Hệ thống thoát nước dọc đường Lý Thường Kiệt, thành phố Đông Hà (đoạn km1+781 - km2+860)	Đông Hà	1.079m	2020		5.500	5.500	5.000		4496/UBND-CN ngày 01/10/2019	
-	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các Ban Đảng, nhà công vụ	Đông Hà		2020-2022		14.000	14.000	13.000			
-	Cải tạo nhà khách Tỉnh ủy	Đông Hà		2020-2021		12.000	12.000	7.000			
-	Cầu Bến Lợi, xã Triệu Giang, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	45m	2020-2021		18.000	18.000	8.000			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số					Trong đó: NSDP
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp Hải Chánh - Hạng mục: Tuyến đường giao thông RD05	Hải Lăng	698m	2020-2021		4.574	3.000	1.800			
-	Đường gom các lối đi tự mở đường ngang qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	11,5 km	2020-2024		38.000	26.000	4.000		5049/UBND-CN ngày 31/10/2020	
B	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ							1.424.760	1.074.760	350.000	Điều chỉnh, bổ sung trung hạn
1	Thành phố Đông Hà							562.700	422.700	140.000	
2	TX. Quảng Trị							143.000	123.000	20.000	
3	Huyện Vĩnh Linh							184.089	137.089	47.000	
4	Huyện Hướng Hóa							91.730	80.730	11.000	
5	Huyện Gio Linh							91.070	66.070	25.000	
6	Huyện Cam Lộ							102.402	62.402	40.000	
7	Huyện Hải Lăng							143.035	103.035	40.000	
8	Huyện Triệu Phong							78.856	58.856	20.000	
9	Huyện Đakrông							27.878	20.878	7.000	



Biểu số 7
TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các)	Trong đó: NSĐP				
	TỔNG SỐ										
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO					290.281	205.202	113.463	68.963	45.000	
1	Cấp tỉnh					136.739	126.671	30.368	10.922	19.446	
						96.971	94.971	19.318	5.772	13.546	
-	Trường THPT Cửa Việt, huyện Gio Linh	Gio Linh	15 phòng học, Nhà học thực hành, nhà đa năng, nhà hiệu bộ, Nhà nội trú	16-18	2376a/QĐ-UBND 30/10/2015	45.500	45.500	1.130	0	1.130	+ NSTT
-	Giảng đường đa năng Trường Cao đẳng y tế	Đông Hà	1.849,8 m ²	16-18	642/QĐ-UBND 31/3/2016	16.000	16.000	2.472	1.472	1.000	+ NSTT
-	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị Triệu Phong	Triệu Phong				6.000	6.000	1.400	0	1.400	+ NSTT
-	Trường THPT Đông Hà, Hạng mục: Nhà hiệu bộ; Nhà đa năng, Nhà học và thực hành	Đông Hà	3.108m ²	2017-2019	2757/QĐ-UBND 30/10/2016	19.971	19.971	4.462	2.800	1.662	+ NSTT
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thành phố Đông Hà	Đông Hà		2020		3.000	1.000	1.000	0	1.000	+ NSTT
-	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Hữu Thận	Triệu Phong		2019-2020	2508/QĐ-UBND 30/10/2018	6.500	6.500	4.000	1.500	2.500	Bổ sung trung hạn
-	Trường THPT Nguyễn Huệ, Thị xã Quảng Trị	Quảng Trị		2020				4.154	0	4.154	Đối ứng Bảo Việt

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các)					Trong đó: NSDP
	Các hạng mục phụ trợ Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	Đông Hà		2020			700	0	700		
2	Phân cấp về cho Huyện										
2.1	Huyện Hướng Hóa						39.768	31.700	11.050	5.150	5.900
-	Trường PTDT bán trú THCS Hướng Phùng, Hạng mục: Nhà bán trú 2	Hướng Hóa	16 phòng bán trú	17-19	2775/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	7.560	6.000	1.000	750	250	+ NSTT, NS huyện
-	Trường PTDT bán trú TH & THCS Hướng Lập, Hạng mục: Nhà bán trú 2 tầng	Hướng Hóa	512m2	17-19	3590/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND huyện Hướng Hóa	5.000	4.000	500	450	50	+ NSTT, NS huyện
2.2	Huyện Cam Lộ					4.200	4.200	1.000	500	500	
-	Trường Mầm non Hoa Mai, xã Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	Cam Lộ			2677/QĐ-UBND 14/11/2018 của UBND huyện	4.200	4.200	1.000	500	500	Đối ứng VNPT
2.3	Huyện Hải Lăng					4.500	2.000	2.000	700	1.300	
-	Trường Tiểu học Càng, Hải Chánh	Hải Lăng				4.500	2.000	2.000	700	1.300	+ NSTT, NS huyện
2.4	Huyện Triệu Phong					0	0	900	0	900	0
-	Trường Tiểu học và THCS xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong						900	0	900	+ NSTT, NS huyện
2.5	Huyện Gio Linh					6.000	5.000	1.000	0	1.000	
-	Trường Mầm non Hải Thái, huyện Gio Linh	Gio Linh				6.000	5.000	1.000	0	1.000	Hỗ trợ huyện
2.6	Huyện Vĩnh Linh					7.500	6.000	2.550	1.750	800	
-	Trường THCS Nguyễn Trãi, Hạng mục: Nhà 2 tầng 10 phòng học	Vĩnh Linh	10 phòng học, 1.008m2	17-19	2773/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	7.500	6.000	2.550	1.750	800	+ NSTT, NS huyện
2.7	Thành phố Đông Hà					500	500	800	0	800	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các)	Trong đó: NSĐP				
-	Trường THCS Nguyễn Trãi	Đông Hà				500	500	500	0	500	
-	Trường Tiểu học Hàm Nghi	Đông Hà						300		300	CBĐT
2.8	Thị xã Quảng Trị					4.508	4.000	1.300	1.000	300	
-	Trường Tiểu học Kim Đồng, Hạng mục: Nhà 8 phòng học	TXQT	8 phòng học, 731,6m2	17-19	1347/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND TXQT	4.508	4.000	1.300	1.000	300	+ NSTT, NS huyện
B	Y TẾ					133.392	65.431	67.095	50.819	16.776	
-	Trả nợ quyết toán							8.921	8.475	446	
-	Phòng khám đa khoa Khu vực Tà Rụt	Đakrông	1.566m2	15-16	2329/QĐ-UBND ngày 28/10/14	18.000	10.781	8.600	8.400	200	Hoàn thành
-	Phòng khám Đa khoa khu vực Bồ Bàn	Triệu Phong	2.230m2	17-19	2778/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	25.600	25.600	23.600	15.400	8.200	+ NSTT
-	Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải, Hạng mục: Khối hành chính sự nghiệp	TXQT	1.246m2	17-19	2777/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	9.600	9.600	9.300	8.600	700	+ NSTT
-	Hệ thống hút khói khu nhà 9 tầng, Bệnh viện đa khoa tỉnh	Đông Hà				3.000	3.000	2.900	2.600	300	
-	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trung tâm Y tế huyện Hải Lăng	Hải Lăng				1.500	1.500	1.580	1.000	580	
-	Sửa chữa, nâng cấp Nhà Nội, Sản, Nhi Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	TXQT			1811/QĐ-UBND 08/8/2018	1.600	1.600	1.544	1.144	400	
-	Sửa chữa, nâng cấp Khu vực khám chữa bệnh Trung tâm y tế huyện Gio Linh	Gio Linh						800	400	400	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các)					Trong đó: NSDP
	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm y tế huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa				650	650	650	500	150	
	Khoa y học nhiệt đới bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	Quảng Trị			2506/QĐ-UBND 29/10/2018	8.000	8.000	4.000	2.000	2.500	
-	Trung tâm y tế huyện Cam Lộ	Cam Lộ						500	0	500	CBĐT
-	Dự án hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện, tỉnh Quảng Trị					65.442	4.700	4.700	2.300	2.400	
C	PHÚC LỢI XÃ HỘI					3.300	3.300	3.300	2.500	800	
-	Cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp Bảo tàng tỉnh	Đồng Hà	Cải tạo		2406/QĐ-UBND 01/9/2017	3.300	3.300	3.300	2.500	800	
D	HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ VẬT CHẤT CÁC XÃ ĐỂ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI					16.850	9.800	12.700	4.722	7.978	
-	Trạm Y tế xã Triệu An, huyện Triệu Phong	Triệu Phong				3.000	900	900	450	450	
-	Hỗ trợ thiết chế văn hóa huyện Triệu Phong	Triệu Phong				1.000	900	1.900	900	1.000	
-	Chợ Hải Xuân, huyện Hải Lăng	Hải Lăng				2.850	2.000	1.000	870	130	
-	Trường Tiểu học và THCS Vĩnh Hòa (Cụm Đơn Duệ), Hạng mục: Nhà 2 tầng 8 phòng học	Vĩnh Linh	8 phòng học	18-20	1527/QĐ-UBND 07/6/2017	5.000	4.000	1.800	900	900	
-	Trường Tiểu học xã Hải Phúc, huyện Đakrông	Đakrông				5.000	2.000	2.000	1.602	398	
-	Trường Tiểu học và THCS Trung Sơn, huyện Gio Linh	Gio Linh						600		600	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2016-2020	Đã bố trí đến hết năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					
						Tổng số (tất cả các)	Trong đó: NSDP				
-	Hỗ trợ thiết chế văn hóa xã Hải Lệ, Thị xã Quảng Trị	Quảng Trị						700		700	
-	Hỗ trợ thiết chế văn hóa huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa						800		800	
-	Đền tưởng niệm vua Hàm Nghi và các tướng sĩ Cần Vương kết hợp Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng xã Cam Chính	Cam Lộ						2.000		2.000	
-	Trạm y tế xã Vĩnh Giang, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh						1.000		1.000	



Biểu số 8

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định CTĐT/ đầu tư		Kế hoạch 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
						Tổng số			Trong đó: NSDP
TỔNG CỘNG									
I	CÁC KHOẢN THUỘC TRÁCH NHIỆM CHUNG CỦA TỈNH					4.598.469	664.210	130.145	
1	Lập, thẩm định, công bố quy hoạch của tỉnh					91.586	91.586	29.500	
2	Phân mềm đăng ký và quản lý hợp tác xã, hộ kinh doanh và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	TK phân mềm, tạo lập CSDL và đào tạo	19-20	1418/QĐ-UBND 11/6/2019	1.586	1.586	1.500	
3	Quyết toán dự án hoàn thành					75.000	75.000	8.000	Trả nợ các công trình đã được phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
4	Chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2021-2025					15.000	15.000	2.000	Trong đó: Nhà văn hóa Hải Lăng; Mở rộng khuôn viên Tỉnh ủy,...
II	ĐỐI ỨNG ODA					2.708.800	226.447	49.000	
1	Phát triển đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê công	Đông Hà, Hướng Hóa	02 đô thị	2013-2021	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067	216.645	45.000	Thực hiện Hạng mục Giải phóng mặt bằng và tái định cư KH 2020 bố trí 15,02 tỷ từ nguồn đối ứng các dự án ODA (thuộc KH phân bổ chi tiết 90%)
2	Dự án Hệ thống thủy lợi Ba Hồ - Bàn Chùa	Cam Lộ			2517/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	262.733	9.802	4.000	
III	CÁC DỰ ÁN DỄ DANG, CÁC DỰ ÁN CHƯA ĐƯỢC BỐ TRÍ ĐỦ VỐN THEO TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT HOẶC THEO MỨC CAM KẾT HỖ TRỢ CỦA TỈNH					1.549.823	324.072	37.577	
1	Tàu vận chuyển hành khách huyện đảo Cồn Cỏ				3157/QĐ-UBND 16/11/2017	24.110	4.110	3.500	Trả nợ KLHT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định CTĐT/ đầu tư			Kế hoạch 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
						Tổng số	Trong đó: NSDP		
2	Nâng cấp hệ thống đường giao thông TX Quảng Trị	Quảng Trị	26 tuyến đường	18-20	440/NQ-HĐND 27-10-2016 1915/QĐ-UBND 12/7/2017	119.856	30.000	4.000	NSTT đã bố trí 15 tỷ
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông thành phố Đông Hà	Đông Hà			2000/QĐ-UBND ngày 24/8/2016	110.486	20.000	4.000	NSTT đã bố trí 16 tỷ
4	Đường vào xã Cam Thành, huyện Cam Lộ	Cam Lộ			2059/QĐ-UBND 30/10/2012	103.635	85.000	8.000	Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành dự án
5	Cầu An Mô	Triệu Phong	200 m	2011-2015	1516/QĐ-UBND 27/8/2012 911/QĐ-UBND 14/5/2015	128.650	24.882	5.000	Trả nợ KLHT
2	Kết cấu hạ tầng CCN Krông Klang	Đakrông			1601/QĐ-UBND ngày 06/9/2013	19.668	10.000	2.000	
4	Hệ thống điện chiếu sáng đường 3/2 và đường Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	Hải Lăng			2904/QĐ-UBND ngày 26/10/2017	8.085	4.000	1.000	
6	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông	Đakrông			2513/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	9.000	9.000	1.000	
7	Nhà văn hóa thành phố Đông Hà	Đông Hà			2691/QĐ-UBND 31/12/2010; 2625/QĐ-UBND 23/12/2013	55.025	18.000	4.000	+ 1,5 tỷ đồng bố trí từ nguồn đấu giá sử dụng đất
9	Đường tránh lũ, cứu hộ và phát triển kinh tế phía Tây huyện Triệu Phong và phía Nam huyện Cam Lộ	Cam Lộ			247/QĐ-UBND 15/2/2011 1511/QĐ-UBND 22/7/2014	350.000	21.820	1.477	
12	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020	Toàn tỉnh			2393/QĐ-UBND 30/10/2014; 842/QĐ-UBND 24/4/2017	71.000	11.000	1.000	
13	Xây dựng Doanh trại đội cảnh sát PCCC và cứu nạn, cứu hộ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh				22.000	10.000	1.600	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định CTĐT/ đầu tư			Kế hoạch 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			
						Tổng số	Trong đó: NSDP		
14	Nhà lưu niệm nhà thơ Chế Lan Viên	Cam Lộ			1958/QĐ-UBND ngày 27/8/2018	3.626	1.100	1.000	Trả nợ KLHT
IV	CÁC DỰ ÁN CẤP BÁCH, CÓ CHỦ TRƯỞNG CỦA LÃNH ĐẠO TỈNH VÀ ĐỀ XUẤT CỦA CÁC NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG					248.260	22.105	14.068	
1	Công trình CH5-02 (giai đoạn 1)	MẬT	MẬT	MẬT	MẬT	4.000	4.000	1.750	Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm an ninh quốc phòng trong tình hình mới KH trung hạn 2016-2020 (phần 90%) bố trí 2,25 tỷ đồng
2	Đường đi bãi rác thị trấn Khe Sanh (đường Hà Huy Tập), huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	2.231 m	18-20	1264/QĐ-UBND 11/6/2018	8.500	7.000	2.000	Hoàn trả tạm ứng NSDP theo Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 28/3/2019
3	Kè chống xói lở bờ sông Nhùng đoạn qua thôn Quy Thiện, xã Hải Quy, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	125 m kè	19-20	2748/QĐ-UBND 10/10/2019	1.000	1.000	1.000	
4	Nhà văn hóa huyện Gio Linh	Gio Linh		20-22				1.000	Chuẩn bị đầu tư thực hiện dự án
5	Nhà Văn hóa trung tâm huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		20-22				1.000	Chuẩn bị đầu tư thực hiện dự án
6	Nâng cấp hệ thống đường liên thôn xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	4.378 m	20-22	1964/QĐ-UBND 29/7/2019	7.200	3.000	1.000	
7	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Quảng Trị	Triệu Phong			1241/QĐ-UBND 6/6/2018	226.710	6.255	1.500	Thực hiện hạng mục Rả phá bom mìn, giải phóng mặt bằng
8	Nâng cấp Trường Quân sự tỉnh	Quảng Trị			966/QĐ-UBND 3/5/2019	850	850	500	
9	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại	Toàn tỉnh						4.318	Trả nợ theo lộ trình đối với các khoản nợ đến hạn phải trả Giao Sở Tài chính triển khai thực hiện